

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VIỄN THÔNG NAM SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VIỄN THÔNG NAM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602188103

**3. Ngày thành lập:** 13/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 133, ấp Nam Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0868.967.780

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt: Dây dẫn và Thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, mạng lưới máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học; Hệ thống chiếu sáng; Chuông báo cháy; Hệ thống báo động chống trộm; Tín hiệu điện và đèn trên đường phố; Hoạt động kết nối các thiết bị và đồ dùng gia đình (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). | 4321     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>-(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                             | 4322     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này                                                                                                        | 4329     |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình (trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                                                    | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm ngành nhựa, phế liệu (trừ bán buôn phế liệu tại trụ sở Chi nhánh); Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn hơi công nghiệp (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG) (không tồn trữ hóa chất) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động) | 4669 |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng điện tử, điện thoại cố định, điện thoại di động, linh kiện-phụ tùng-thiết bị viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4759 |
| 13. | Xuất bản phần mềm<br>Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính. - Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến.                                                                                                                                                                                                                                       | 5820 |
| 14. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và chương trình quảng cáo phục vụ cho việc phát các chương trình qua phương tiện truyền hình (trừ sản xuất phim, phát sóng, và không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ sự kiện phim ảnh)                                 | 5911 |
| 15. | Hoạt động hậu kỳ<br>-(trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                                                              | 5912 |
| 16. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (trừ sản xuất phim, phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5913 |
| 17. | Hoạt động viễn thông có dây<br>-- (trừ cung cấp dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6110 |
| 18. | Hoạt động viễn thông không dây<br>-(trừ cung cấp dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6120 |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202 |

|     |                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                          | 6209        |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 22. | Cổng thông tin<br>chi tiết: Dịch vụ thiết kế trang web                                                                                                                                                                   | 6312        |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                | 7310        |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 25. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>-(trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                              | 7420        |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                           | 7730        |
| 27. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                                                | 7830        |
| 28. | In ấn<br>-(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                   | 1811        |
| 29. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>-(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)<br>(Không hoạt động tại trụ sở).                                                                                           | 3312        |
| 30. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc<br>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình viễn thông, cáp quang, trạm thu phát sóng, mạng lưới truyền năng lượng và công trình viễn thông, thông tin liên lạc khác | 4223        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện<br>-(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                               | 3314        |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                               | 4299(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 5.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐOÀN NGỌC HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/10/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082098007904

Ngày cấp: 17/05/2024

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐOÀN NGỌC HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082098007904

Ngày cấp: 17/05/2024

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang